

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 2103/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 07 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung kinh phí để thực hiện chính sách theo các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh sách tinh giản biên chế và dự toán kinh phí thực hiện đợt 02 năm 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 326/TTr-STC ngày 26 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung kinh phí tinh giản biên chế theo các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018. Cụ thể như sau:

1. Tổng kinh phí bổ sung: 2.362.744.837 đồng (hai tỷ, ba trăm sáu mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi bốn ngàn, tám trăm ba mươi bảy đồng).



2. Nguồn kinh phí thực hiện:

a) Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 2.269.688.837 đồng.

b) Nguồn các đơn vị tự cân đối: 93.056.000 đồng.

3. Chi tiết cơ quan và kinh phí bổ sung: theo phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Căn cứ số kinh phí bổ sung chi tiết tại phụ lục kèm theo Quyết định này; Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng quy định và phải tổ chức thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Giao trách nhiệm cho Sở Tài chính thông báo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách, thẩm định và kiểm tra việc thực hiện chi ngân sách theo luật định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ngành: Tài chính, Nội vụ, Kho bạc Nhà nước Kiên Giang; Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị được bổ sung kinh phí và Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của QĐ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nkguyen.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Chín

Phụ lục

BỔ SUNG KINH PHÍ ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THEO CÁC NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ: NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2014/NĐ-CP NGÀY 20 THÁNG 11 NĂM 2014, NGHỊ ĐỊNH SỐ 113/2018/NĐ-CP NGÀY 31 THÁNG 8 NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 2103 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Đồng.

TT	Nội dung	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Kinh phí thực hiện chế độ	Nguồn thực hiện	
				Ngân sách tỉnh	Nguồn đơn vị tự cân đối.
I	VĂN PHÒNG UBND TỈNH		465.735.423	404.035.423	61.700.000
1	Đặng Văn Dũng	Nhân viên lái xe (biên chế công chức)	173.281.450	173.281.450	
2	Tân Văn Đáng	Viên chức Văn phòng UBND tỉnh	221.362.073	182.662.073	38.700.000
3	Dương Trung Lễ	Viên chức Văn phòng UBND tỉnh	71.091.900	48.091.900	23.000.000
II	SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI		165.838.932	158.150.532	7.688.400
	Lê Thị Kiều	Giáo viên Trường Trung cấp Kỹ thuật nghiệp vụ Kiên Giang	165.838.932	158.150.532	7.688.400
III	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		716.558.256	716.558.256	
1	VP Sở Giáo dục và Đào tạo		321.029.053	321.029.053	
a)	Ngô Thị Kiều Nhi	Nguyên Kế toán Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	64.250.550	64.250.550	
b)	Lưu Thanh Khiết	Nhân viên giáo vụ Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	80.440.425	80.440.425	
c)	Từ Thị Hoàng Liên	Giáo viên Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	176.338.078	176.338.078	
2	Trường THPT Nam Yên		312.335.420	312.335.420	



	Danh Thành	Giáo viên Trường THPT Nam Yên	312.335.420	312.335.420	
3	Trường THPT Thoại Ngọc Hầu		83.193.783	83.193.783	
	Phan Đình Ước	Giáo viên Trường THPT Thoại Ngọc Hầu	83.193.783	83.193.783	
IV	VƯỜN QUỐC GIA PHÚ QUỐC		232.564.390	232.564.390	
	Lê Văn Giang	Viên chức Vườn Quốc gia Phú Quốc	232.564.390	232.564.390	
V	HỘI CHỦ THẬP ĐỎ TỈNH		167.056.187	167.056.187	
	Đặng Bạch Châu	Phó Trưởng ban Ban Công tác xã hội	167.056.187	167.056.187	
VI	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG		431.226.921	431.226.921	
a)	Hồng Văn Thương	Trưởng phòng Phòng Thông tin, Báo chí và Bưu chính	225.642.648	225.642.648	
b)	Lê Việt Hải	Chánh Thanh tra	205.584.273	205.584.273	
VII	SỞ TƯ PHÁP		177.428.916	153.761.316	23.667.600
	Nguyễn Thảo Nguyên	Viên chức Trung tâm Trợ giúp pháp lý	177.428.916	153.761.316	23.667.600
VIII	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT		6.335.812	6.335.812	
	Trung tâm Khuyến nông		6.335.812	6.335.812	
	Từ Lạc Hồng	Viên chức Trung tâm Khuyến nông tỉnh	6.335.812	6.335.812	
	TỔNG CỘNG		2.362.744.837	2.269.688.837	93.056.000

